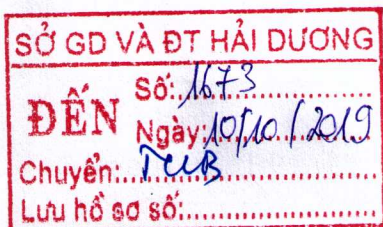


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3460**/UBND-VP
V/v quy định tạm thời việc quy
đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học

Hải Dương, ngày **03** tháng **10** năm 2019



Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

- CĐT
Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Công văn số 6089/BGDĐT-TCCB ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC ngày 22/10/2014 của Bộ Nội vụ, Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Xét đề nghị của liên ngành Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1453/LN-SGDĐT-SNV ngày 03 tháng 10 năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tạm thời việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học như sau:

1. Về trình độ ngoại ngữ

a) Trình độ ngoại ngữ tiếng Anh: A, B, C (theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình tiếng Anh thực hành) và A1, A2, B1, B2, C1, C2 (theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành) được quy đổi, có giá trị sử dụng tương đương như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT)	Quyết định số 177/QĐ-TCBT	Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT
Bậc 6		C2
Bậc 5		C1
Bậc 4		B2
Bậc 3	C	B1
Bậc 2	B	A2
Bậc 1	A	A1

b) Các chứng chỉ/chứng nhận năng lực tiếng Anh do các tổ chức khảo thí giáo dục nước ngoài tổ chức thi và cấp, được công nhận, còn thời hạn sử dụng (có

bản dịch công chứng kèm theo và khi cần xác thực kết quả thì phải hậu kiểm được trên hệ thống quản lý của đơn vị cấp) được quy đổi tương đương như sau:

Khung tham chiếu Châu Âu	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	TOEFL				TOEIC	IELTS	Cambridge ESOL Exams
		PBT	CBT	IBT	ITP			
C2	Bậc 6	600	250	100			8.5	CPE (pass)
C1	Bậc 5	550	213	80	627	800	7.0	CAE (pass)
B2	Bậc 4	500	173	61	500	625	5.5	FCE (pass)
B1	Bậc 3	450	133	45	450	350	4.5	PET (pass)
A2	Bậc 2	400	97		337	150	3.0	KET (pass)
A1	Bậc 1							

2. Về trình độ tin học

Các chứng chỉ/chứng nhận tin học ứng dụng đã được cấp có giá trị sử dụng tương đương với các chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, gồm:

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông);

- Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế IC3 (The Internet and Computing core certification).

Việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học được triển khai thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh đến khi các Bộ chuyên ngành có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc này (Công văn này thay thế Công văn số 3124/UBND-VP ngày 09/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy;
- Phòng GD&ĐT, Nội vụ các huyện, TP;
- Các phòng: NC (CV Chính);
- Lưu: VT, KGVX (60b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Văn Cầu